

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy phép cắt xẻ đê để thi công các công qua đê thuộc dự án Nâng cấp tuyến đê bao Quảng Phúc từ K0 - K1+220 thuộc địa bàn xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương (nay là xã Quảng Ngọc, tỉnh Thanh Hóa)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 113/NĐ-CP ngày 28/6/2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 373/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy lợi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa; số 983/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường/UBND cấp huyện/UBND cấp xã, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1489/TTr-SNNMT ngày 03/12/2025 (kèm theo hồ sơ).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép cắt xẻ đê để thi công các công qua đê thuộc dự án Nâng cấp tuyến đê bao Quảng Phúc từ K0 - K1+220 thuộc địa bàn xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương (nay là xã Quảng Ngọc, tỉnh Thanh Hóa), với các nội dung chính như sau:

1. Chủ đầu tư: UBND xã Quảng Ngọc.

2. Nhà thầu thi công xây dựng công trình: Công ty cổ phần xây dựng Minh Ngọc 68.

3. Vị trí xây dựng: Tại các vị trí: K0+133,19; K0+479,18; K1+104,07 và K1+541,86 đê bao Quảng Phúc, xã Quảng Ngọc.

4. Kích thước hố móng và các chỉ tiêu thiết kế chủ yếu:

4.1. Kích thước hố móng:

a. Các cống làm mới:

TT	Thông số kỹ thuật	Cống tại K0+133,19	Cống tại K0+479,18
1	Cao trình đỉnh đê thiết kế	+ 3.65 m	+ 3.71 m
2	Cao trình đỉnh đê hiện trạng	+ 3.62 m	+ 2.9 m
3	Cao trình đáy cống thiết kế	- 0.38 m	+ 0.83 m
4	Cao trình đáy hố móng tại thân cống	- 0.78 m	+ 0.43 m
5	Hệ số mái mở móng	m = 1,0	m = 1,0
6	Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại đáy hố móng:	5,45 m	3,7 m
7	Chiều dài cắt đê (theo phương dọc đê) tại mặt đê:	14,25 m	8,64 m

b. Các cống nối dài:

TT	Thông số kỹ thuật	Cống tại K1+104,07	Cống tại K1+541,86
1	Cao trình đê hiện trạng	+ 1.99 m	+ 2.04 m
2	Cao trình đáy hố móng	- 0.65 m	+ 0.3 m
3	Hệ số mái mở móng	m = 1,0	m = 1,0
4	Chiều dài cắt xẻ đê (theo phương dọc đê) tại đáy hố móng vị trí nối dài:	3,7 m	3,7 m
5	Chiều dài cắt xẻ đê (theo phương dọc đê) tại vị trí nối dài	8,98 m	7,18 m

4.2. Các chỉ tiêu, giải pháp thiết kế chủ yếu:

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu, giải pháp thiết kế
1	Các cống làm mới	
1.1	Cống tại K0+133,19	Hình thức cống hộp, 02 cửa, kích thước 2x(1,1x1,2) m; chiều dài thân cống 14,46 m; kết cấu thân cống bằng BTCT M250, xung quanh đắp đất sét luyên; gia cố nền bằng cọc tre D = (6-8) cm, dài 2,5m, mật độ 16 cọc/m ² ; tường cánh, cửa ra, cửa vào, tiêu năng bằng BTT M200; đóng mở bằng cửa van composit, ổ khoá V2.
1.2	Cống tại K0+479,18	Hình thức cống hộp, 01 cửa, kích thước (1,1x1,2) m; chiều dài thân cống 12,29 m; kết cấu thân cống bằng BTCT M250, xung quanh đắp đất sét luyên; gia cố nền bằng cọc tre D = (6-8) cm, dài 2,5m, mật độ 16 cọc/m ² ; tường cánh, cửa ra, cửa vào, tiêu năng bằng BTT M200; đóng mở bằng cửa van composit, ổ khoá V2.
2	Các cống nối dài	

2.1	Cống tại K1+104,07	Giữ nguyên cống hiện có, nổi dài phía hạ lưu bằng ống cống BTCT đường kính $D = 1,0$ m, dài 3,5 m, xung quanh đắp đất sét luyên; tường đầu, cửa ra bằng BTCT M250; tường cánh, tiêu năng bằng BTT M200; đóng mở bằng cửa van composit, ổ khoá V2.
2.2	Cống tại K1+541,86	Giữ nguyên cống hiện có, nổi dài phía hạ lưu bằng ống cống BTCT đường kính $D = 0,6$ m, dài 3,5 m, xung quanh đắp đất sét luyên; tường đầu, cửa ra bằng BTCT M250; tường cánh, tiêu năng bằng BTT M200; đóng mở bằng cửa van composit, ổ khoá V2.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế kèm theo Tờ trình số 1489/TTr-SNNMT ngày 03/12/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường).

5. Thời gian được phép thi công: Được phép cắt xẻ đê để thi công các cống qua đê từ ngày ban hành Quyết định này và thi công hoàn thành công trình trước ngày **01/3/2026** theo bảng tiến độ thi công của Chủ đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND xã Quảng Ngọc (Chủ đầu tư) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cắt đê và thi công công trình đảm bảo theo đúng nội dung Quyết định này, quy định của pháp luật về đê điều và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Yêu cầu chủ đầu tư tiếp thu, thực hiện đầy đủ nội dung yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1489/TTr-SNNMT ngày 03/12/2025 trong quá trình thực hiện.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Thủy lợi chịu trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện của chủ đầu tư; kiến nghị với Chủ tịch UBND tỉnh thu hồi quyết định cấp phép này nếu chủ đầu tư không thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi, Chủ tịch UBND xã Quảng Ngọc và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Đảng ủy xã Quảng Ngọc;
- Lưu: VT, NNMT, TTPVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Văn Cường